

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN

KHUNG MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN CÔNG NGHỆ 6 - NĂM HỌC : 2023-2024

I. KHUNG MA TRẬN

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra cuối học kì II (tuần 19 đến hết tuần thứ 32 thực học)
- **Thời gian làm bài:** 45 phút.
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).
- **Cấu trúc:** + Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
+ Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm, gồm 10 câu (Nhận biết: 1,0 đ; Thông hiểu: 2,0 đ; Vận dụng: 2,0 đ)
+ Phần tự luận: 5,0 điểm (Nhận biết: 3,0 đ; Thông hiểu: 1,0 đ; Vận dụngj cao: 1,0 đ)

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Chương II: Bảo quản và chế biến thực phẩm											
Thực phẩm và dinh dưỡng	2 1,5đ			1 0,5đ		1 0,5đ			2	2	2,5đ
Bảo quản thực phẩm		1 0,5đ								1	0,5đ

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Chế biến thực phẩm				2 1 đ						2	1đ
Chương III: Trang phục và thời trang											
Trang phục trong đời sống		2 1đ	1 1,5đ						2	2	2,5đ
Các loại vải thông dụng dùng để may trang phục	1 1đ					1 0,5đ			1	1	1,5đ
Sử dụng và bảo quản trang phục						2 1đ	1 1đ		1	2	2đ
Số câu	4	2	1	4	0	4	1	0	6	10	
Điểm số	3,0	1,0	1,0	2,0	0	2,0	1,0	0	5,0	5,0	10đ
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm		10 điểm

II. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bảo quản và chế biến thực phẩm	Thực phẩm và Dinh dưỡng	Nhận biết: - Nêu được một số nhóm thực phẩm chính. - Nêu được giá trị dinh dưỡng của từng nhóm thực phẩm chính. Thông hiểu: - Phân loại được thực phẩm theo các nhóm thực phẩm chính. - Giải thích được ý nghĩa của từng nhóm dinh dưỡng chính đối với sức khỏe con người. Vận dụng: - Đề xuất được một số loại thực phẩm cần thiết có trong bữa ăn gia đình. - Thực hiện được một số việc làm để hình thành thói quen ăn, uống khoa học.	11a,b	C3	C5	
2		Bảo quản thực phẩm	Nhận biết: - Trình bày được vai trò, ý nghĩa của bảo quản thực phẩm. - Nêu được một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến. Thông hiểu: - Mô tả được một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến. - Trình bày được ưu điểm, nhược điểm của một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến. Vận dụng: - Vận dụng được kiến thức về bảo quản thực phẩm vào thực tiễn gia đình.	C4			
3		Chế biến	Nhận biết: - Trình bày được vai trò, ý nghĩa của chế biến thực		C1,C2		

		thực phẩm	phẩm. - Nêu được một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến. - Nêu được các bước chính chế biến món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt. - Nêu được một số biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong chế biến. - Trình bày được cách tính toán sơ bộ dinh dưỡng cho một bữa ăn gia đình. - Trình bày được cách tính toán sơ bộ chi phí cho một bữa ăn gia đình. Thông hiểu: - Trình bày được một số ưu điểm, nhược điểm của một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến.				
4	Trang phục và thời trang	Trang phục trong đời sống	Nhận biết: - Nêu được vai trò của trang phục trong cuộc sống. - Kể tên được một số loại trang phục trong cuộc sống. Thông hiểu: - Trình bày được cách lựa chọn trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân. - Trình bày được cách lựa chọn trang phục phù hợp với tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. Phân loại được một số trang phục trong cuộc sống Vận dụng: - Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc, điều kiện tài chính. Vận dụng cao: Tư vấn được cho người thân việc lựa chọn và phối hợp trang phục phù hợp với đặc điểm, sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.	C6, C7	C12		

5		Các loại vải thông dụng dùng để may trang phục	Nhận biết: - Kể tên được các loại vải thông dụng dùng để may trang phục. - Nêu được đặc điểm của các loại vải thông dụng dùng để may trang phục. Thông hiểu: - Trình bày được ưu và nhược điểm của một số loại vải thông dụng dùng để may trang phục. Vận dụng: Lựa chọn được các loại vải thông dụng dùng để may trang phục phù hợp với đặc điểm cơ thể, lứa tuổi, tính chất công việc.	C13		C8	
6		Sử dụng và bảo quản trang phục	Nhận biết: - Nêu được cách sử dụng một số loại trang phục thông dụng. - Nêu được cách bảo quản một số loại trang phục thông dụng. Thông hiểu: - Giải thích được cách sử dụng một số loại trang phục thông dụng. - Giải thích được cách bảo quản trang phục thông dụng. Vận dụng: Sử dụng và bảo quản được một số loại trang phục thông dụng.			C9,C10	C14

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN Họ tên HS: Lớp: 6/ Phòng thi.....SBD.....	KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 MÔN: công nghệ - LỚP 6 Thời gian: 45 phút (Không kể giao đề)	Điểm:
---	---	--------------

A. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng

Câu 1: Nướng là phương pháp làm chín thực phẩm:

- A. Trong dầu mỡ
 B. Bằng hơi nước
 C. Trong nước
 D. Bằng sức nóng trực tiếp từ nguồn nhiệt

Câu 2: Ưu điểm của phương pháp luộc là:

- A. Món ăn có hương vị đậm đà
 B. Món ăn có độ giòn, độ ngọt
 C. Đơn giản và dễ thực hiện
 D. Món ăn có hương vị hấp dẫn

Câu 3: Hãy cho biết loại vitamin nào giúp làm sáng mắt?

- A. Vitamin A
 B. Vitamin B
 C. Vitaminh C
 D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 4: Phương pháp nào sau đây là phương pháp bảo quản thực phẩm?

- A. Luộc và trộn hỗn hợp
 B. Làm lạnh và đông lạnh
 C. Làm chín thực phẩm
 D. Nướng và muối chua

Câu 5: Người bị bệnh béo phì nên hạn chế dưỡng chất nào trong khẩu phần ăn thường ngày?

- A. Vitamin
 B. Chất khoáng
 C. Chất tinh bột, chất béo
 D. Chất đạm, chất béo

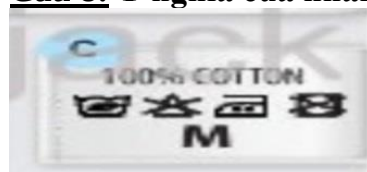
Câu 6: Vải sợi nhân tạo có nguồn gốc từ đâu?

- A. Gỗ, tre, nứa
 B. Than đá, dầu mỏ
 C. Sợi bông, sợi len
 D. Tất cả đều sai

Câu 7: Vải được dệt từ sợi polyester thuộc loại vải nào sau đây?

- A. Vải sợi thiên nhiên
 B. Vải sợi tổng hợp
 C. Vải sợi pha
 D. Vải sợi nhân tạo

Câu 8: Ý nghĩa của nhãn quần áo ghi trong hình là gì?



- A. Làm hoàn toàn từ vải sợi tổng hợp
 B. Làm hoàn toàn từ vải sợi thiên nhiên
 C. Làm từ vải sợi thiên nhiên và vải sợi tổng hợp
 D. Làm từ vải sợi pha

Câu 9: Để tạo cảm giác gầy đi, cao lên cho người mặc, cần lựa chọn trang phục có đường nét, họa tiết như thế nào?

- A. Kẻ ngang
 B. Kẻ ô vuông
 C. Kẻ dọc
 D. Cả A và B

Câu 10: Khi đi học thể dục em sẽ lựa chọn trang phục như thế nào?

- A. Vải sợi bông, may sát người, giày cao gót
 B. Vải sợi tổng hợp, may rộng, giày da đắt tiền
 C. Vải sợi bông, may rộng, giày ba ta
 D. Vải sợi bông, may rộng, dép lê

B. TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 11: a) Kể tên các nhóm thực phẩm chính? (0,5đ)

b) Nhóm thực phẩm giàu chất đạm có vai trò gì đối với cơ thể? Nêu ví dụ một số loại thực phẩm giàu chất đạm? (1đ)

Câu 12: Trang phục là gì? Nêu vai trò của trang phục? (1,5đ)

Câu 13: Trình bày nguồn gốc và tính chất của vải sợi thiên nhiên? (1đ)

Câu 14: Hãy tự xác định vóc dáng của em và lựa chọn màu vải, họa tiết phù hợp với vóc dáng của mình. (1đ)

BÀI LÀM:

.....

.....

.....

.....



TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN Họ tên HS: Lớp: 6/ Phòng thi.....SBD.....	KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 MÔN: công nghệ - LỚP 6 Thời gian: 45 phút (Không kể giao đề)	Điểm:
---	---	--------------

A. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng

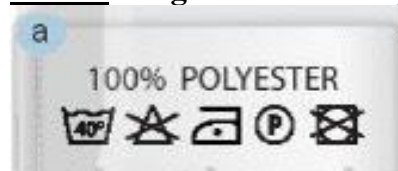
Câu 1: Vải cotton được tạo ra từ nguồn nguyên liệu nào sau đây?

- A. Sợi bông B. Sợi lanh C. Lông cừu D. Tơ tằm

Câu 2: Khi kết hợp hai hay nhiều loại sợi khác nhau tạo thành:

- A. Vải sợi thiên nhiên B. Vải sợi tổng hợp
C. Vải sợi nhân tạo D. Vải sợi pha

Câu 3: Ý nghĩa của nhãn quần áo ghi trong hình là gì?



- A. Làm hoàn toàn từ vải sợi thiên nhiên B. Làm hoàn toàn từ vải sợi tổng hợp
C. Làm từ vải sợi thiên nhiên và vải sợi tổng hợp D. Làm từ vải sợi pha

Câu 4: Để tạo cảm giác béo ra, thấp xuống cho người mặc, cần lựa chọn trang phục có đường nét, họa tiết như thế nào?

- A. Kẻ ngang B. Kẻ ô vuông C. Kẻ dọc D. Cả A và B đều đúng

Câu 5: Khi đi học thể dục em sẽ lựa chọn trang phục như thế nào?

- A. Vải sợi bông, may rộng, dép lê B. Vải sợi tổng hợp, may rộng, giày da đắt tiền
C. Vải sợi bông, may rộng, giày ba ta D. Vải sợi bông, may sát người, giày cao gót

Câu 6: Loại chất khoáng nào sau đây giúp cho xương và răng chắc khỏe?

- A. Sắt B. Calcium C. Iodine D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 7: Nhóm phương pháp nào sau đây không phải là phương pháp chế biến thực phẩm?

- A. Ướp và phơi B. Rang và nướng
C. Xào và muối chua D. Rán và trộn dầu giấm

Câu 8: Luộc là phương pháp làm chín thực phẩm trong môi trường

- A. Không khí nóng B. Nước C. Ít nước D. Hơi nước

Câu 9: Nhược điểm của phương pháp nướng là:

- A. Thời gian chế biến lâu B. Món ăn nhiều chất béo
C. Thực phẩm dễ bị cháy, gây biến chất D. Một số loại vitamin hòa tan trong nước

Câu 10: Cách chế biến thực phẩm nào sau đây không tốt đối với những người béo phì?

- A. Xào B. Luộc C. Hấp D. Rán

B. PHẦN TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 11: a) Kể tên các nhóm thực phẩm chính? (0,5đ)

b) Nhóm thực phẩm giàu chất đạm có vai trò gì đối với cơ thể? Nêu ví dụ một số loại thực phẩm giàu chất đạm? (1đ)

Câu 12: Trang phục là gì? Nêu vai trò của trang phục? (1,5đ)

Câu 13: Trình bày nguồn gốc và tính chất của vải sợi thiên nhiên? (1đ)

Câu 14: Hãy tự xác định vóc dáng của em và lựa chọn màu vải, họa tiết phù hợp với vóc dáng của mình. (1đ)

BÀI LÀM:

.....

.....

.....

.....



IV. HƯỚNG DẪN CHẤM:

MÃ ĐỀ A:

A. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)

Chọn đúng mỗi câu 0,5đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	C	A	B	D	A	B	B	C	C

B. TỰ LUẬN: (5điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Điểm
Câu 11 1,5 điểm	<i>Yêu cầu nêu được:</i> a) Các nhóm thực phẩm chính: - Nhóm thực phẩm giàu chất tinh bột, chất đường và chất xơ - Nhóm thực phẩm giàu chất đạm - Nhóm thực phẩm giàu chất béo - Nhóm thực phẩm giàu vitamin - Nhóm thực phẩm giàu chất khoáng b) Vai trò của chất đạm (protein) : - Là thành phần dinh dưỡng để cấu trúc cơ thể và giúp cơ thể phát triển tốt - Ví dụ: Một số loại thực phẩm giàu chất đạm như: Thịt nạc, cá, tôm, trứng, sữa, các loại đậu, một số loại hạt như: hạt vừng, hạt điều, hạt lạc.	0,5đ 0,5đ 0,5đ
Câu 12 1,5 điểm	<i>Yêu cầu nêu được:</i> - Trang phục bao gồm các loại quần áo và một số vật dụng đi kèm như giày, thắt lưng, tất, khăn quàng, mũ,... Trong đó, quần áo là những vật dụng quan trọng nhất - Vai trò của trang phục + Che chở, bảo vệ cơ thể con người khỏi một số tác động có hại của thời tiết và môi trường + Góp phần tôn lên vẻ đẹp của người mặc + Có thể biết được một số thông tin cơ bản về người mặc như sở thích, nghề nghiệp.	0,5đ 0,5đ 0,25đ 0,25đ
Câu 13 1 điểm	<i>Yêu cầu HS trình bày được:</i> Nguồn gốc và tính chất của vải sợi thiên nhiên - Nguồn gốc: Được dệt bằng các sợi có nguồn gốc từ thiên nhiên như sợi bông (cotton), sợi tơ tằm, sợi len,... - Tính chất + Vải sợi bông, vải tơ tằm có độ hút ẩm cao, mặc thoáng mát nhưng dễ bị nhàu. + Vải len có khả năng giữ nhiệt tốt.	0,5đ 0,5đ
Câu 14 1 điểm	<i>HS tự xác định được:</i> - Vóc dáng của mình - Lựa chọn màu vải phù hợp - Lựa chọn đường nét, họa tiết phù hợp. <i>Ví dụ:</i> <i>Vóc dáng em cao, gầy nên em sẽ lựa chọn :</i> - <i>Màu vải:</i> Màu sáng như trắng, hồng nhạt - <i>Đường nét, họa tiết:</i> Kẻ ngang hoặc Ô vuông, Họa tiết lớn	0,25đ 0,25đ 0,5đ

MÃ ĐỀ B:

A. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm)

Chọn đúng mỗi câu 0,5đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	D	B	D	C	B	A	B	C	D

B. TỰ LUẬN: (5điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Điểm
Câu 11 1,5 điểm	<i>Yêu cầu nêu được:</i> a) Các nhóm thực phẩm chính: - Nhóm thực phẩm giàu chất tinh bột, chất đường và chất xơ - Nhóm thực phẩm giàu chất đạm - Nhóm thực phẩm giàu chất béo - Nhóm thực phẩm giàu vitamin - Nhóm thực phẩm giàu chất khoáng b) Vai trò của chất đạm (protein) : - Là thành phần dinh dưỡng để cấu trúc cơ thể và giúp cơ thể phát triển tốt - Ví dụ: Một số loại thực phẩm giàu chất đạm như: Thịt nạc, cá, tôm, trứng, sữa, các loại đậu, một số loại hạt như: hạt vừng, hạt điều, hạt lạc.	0,5đ 0,5đ 0,5đ
Câu 12 1,5 điểm	<i>Yêu cầu nêu được:</i> - Trang phục bao gồm các loại quần áo và một số vật dụng đi kèm như giày, thắt lưng, tất, khăn quàng, mũ,... Trong đó, quần áo là những vật dụng quan trọng nhất - Vai trò của trang phục + Che chở, bảo vệ cơ thể con người khỏi một số tác động có hại của thời tiết và môi trường + Góp phần tôn lên vẻ đẹp của người mặc + Có thể biết được một số thông tin cơ bản về người mặc như sở thích, nghề nghiệp.	0,5đ 0,5đ 0,25đ 0,25đ
Câu 13 1 điểm	<i>Yêu cầu HS trình bày được:</i> Nguồn gốc và tính chất của vải sợi thiên nhiên - Nguồn gốc: Được dệt bằng các sợi có nguồn gốc từ thiên nhiên như sợi bông (cotton), sợi tơ tằm, sợi len,... - Tính chất + Vải sợi bông, vải tơ tằm có độ hút ẩm cao, mặc thoáng mát nhưng dễ bị nhàu. + Vải len có khả năng giữ nhiệt tốt.	0,5đ 0,5đ
Câu 14 1 điểm	<i>HS tự xác định được:</i> - Vóc dáng của mình - Lựa chọn màu vải phù hợp - Lựa chọn đường nét, họa tiết phù hợp. <i>Ví dụ:</i> <i>Vóc dáng em cao, gầy nên em sẽ lựa chọn :</i> - <i>Màu vải:</i> Màu sáng như trắng, hồng nhạt - <i>Đường nét, họa tiết:</i> Kẻ ngang hoặc Ô vuông, Họa tiết lớn	0,25đ 0,25đ 0,5đ

GV ra đề :

Đặng Văn Mai